

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2016

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2016 cho thấy, mặc dù sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, lớn nhất là El Nino gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, bất thường nên chịu ảnh hưởng không nhỏ của hạn hán kéo dài, mưa lũ, lốc tố và gây nhiều thiệt hại; thị trường xuất khẩu nông sản gặp nhiều khó khăn; giá cả nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của tỉnh giảm và giảm về sản lượng,... đã ảnh hưởng mạnh đến kết quả hoạt động và thực hiện kế hoạch của toàn ngành. Tuy nhiên, ngành Nông nghiệp và PTNT cũng có nhiều thuận lợi cơ bản, đó là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã lường trước khó khăn, chủ động xây dựng ban hành chương trình, kế hoạch cụ thể giao kế hoạch, nhiệm vụ và đôn đốc các đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện kế hoạch ngay từ đầu năm; Sở đã tổ chức 15 Đoàn công tác của Sở đi khảo sát, làm việc với UBND các huyện, thị xã, thành phố để nắm bắt tình hình, hỗ trợ, phối hợp địa phương giải quyết các vấn đề tại cơ sở; đã xây dựng kế hoạch và tổ chức chỉ đạo, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện trên từng lĩnh vực như thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông lâm ngư nghiệp, phát triển sản xuất theo hướng hàng hoá với năng suất cao, chất lượng tốt, tăng sức cạnh tranh, bền vững; triển khai các giải pháp tích cực để hạn chế ảnh hưởng của thiên tai, thúc đẩy tăng trưởng ổn định và bền vững của toàn ngành, ứng dụng có hiệu quả khoa học kỹ thuật, giống mới; đẩy nhanh xen canh, thâm canh, tăng năng suất và hiệu quả đầu tư; luôn bám sát cơ sở, kịp thời đề ra những giải pháp sát thực để khắc phục khó khăn, thực thi có hiệu quả các nhiệm vụ của ngành theo các mục tiêu, Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của tỉnh đã đề ra; với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo Sở và công chức, viên chức, người lao động trong ngành, sự phối hợp chỉ đạo sát sao, có hiệu quả của UBND cấp huyện nên mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, song sản xuất của ngành nông nghiệp vẫn tiếp tục phát triển, góp phần đáng kể vào việc đảm bảo nguồn thu cho ngân sách, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh. Kinh tế nông thôn được chuyển dịch theo hướng tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn ngày càng được cải thiện, tốc độ tăng trưởng chung của nông nghiệp Đắk Lắk đạt 4,5%, cao hơn gấp đôi tăng trưởng nông nghiệp bình quân cả nước (1,8%). Có thể nói trong bối cảnh còn nhiều khó khăn thì đây là một nỗ lực lớn của ngành nông nghiệp, góp phần quan trọng vào tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN 2016

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ chủ yếu ngành nông nghiệp và PTNT năm 2016 được đánh giá như sau:

- Giá trị tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn (GRDP-theo giá SS 2010) ước đạt 18.892 tỷ đồng, bằng 107,6% KH (KH 2016: 17.559 tỷ đồng), tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành) ước đạt 44,8% (KH 43-44%).

- Thuỷ lợi đảm bảo tưới chủ động cho 76,7% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới (KH 2016: 76,7%).

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 87% (KH 2016: 87%).

- Tỷ lệ che phủ rừng: 39,4% (KH 2016: 39,4%).

- Tỷ lệ xã phần đầu cơ bản đạt tiêu chuẩn nông thôn mới: 13,2% (KH 2016: 15%).

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA NGÀNH NĂM 2016

Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chương trình kế hoạch công tác của ngành số 313/SNN-KHTC ngày 26/02/2016 và đã điều chỉnh Chương trình kế hoạch công tác tại Công văn số 567/SNN-KHTC ngày 30/03/2016 (gồm 02 nhóm nhiệm vụ và 103 đầu mục công việc), chỉ đạo đôn đốc các đơn vị trực thuộc Sở cụ thể hoá Chương trình công tác của ngành và tập trung tổ chức thực hiện như sau:

1. Nhóm nhiệm vụ I: Các chương trình, quy hoạch, đề án, dự án (gồm 28 đầu mục công việc). Tiến độ thực hiện như sau:

a) Đã hoàn thành 10 đầu mục đạt 100%KH khối lượng công việc, trong đó có 02 đầu mục đã được UBND tỉnh ban hành quyết định; có 02 đầu mục đã trình UBND tỉnh xem xét ban hành và 02 đầu mục đã trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt Đề cương – Dự toán.

b) Đã hoàn thiện 13 đầu mục công việc, đạt 100%KH của năm 2016 và đang tiếp tục triển khai thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ. Trong đó có 01 đầu mục đã có văn bản tham mưu UBND tỉnh giao cho Công ty TNHH MTV QLCTTL thực hiện (xây dựng Đề án định mức kinh tế - kỹ thuật cho công tác quản lý, khai thác CTTL trên địa bàn tỉnh).

c) Có 05 đầu mục công việc chưa hoàn thành do các yếu tố khách quan (chưa thống nhất biên chế với Sở Nội vụ, do không nằm trong quy định lập quy hoạch, vướng công tác giải phóng mặt bằng,...) nên tiếp tục chuyển qua năm 2017 để triển khai thực hiện.

2. Nhóm nhiệm vụ II: Các kế hoạch thực hiện chương trình, quy hoạch, đề án, dự án (gồm 75 đầu mục công việc). Tiến độ thực hiện như sau:

a) Đã hoàn thành 60 đầu mục công việc, đạt 100%KH, trong đó có 15 đầu mục đã được UBND tỉnh ban hành quyết định và có 05 đầu mục đã trình UBND tỉnh xem xét ban hành.

b) Có 15 đầu mục công việc chưa hoàn thành do các yếu tố khách quan và chờ văn bản hướng dẫn của Trung ương, của địa phương nên tiếp tục chuyển qua năm 2017 để triển khai thực hiện.

3. Đánh giá chung: Dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự phối hợp chặt chẽ và thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao, nhìn chung các Phòng, Ban, Chi cục, Trung tâm, đơn vị trực thuộc Sở đã căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng Chương trình kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2016 của đơn vị và cụ thể hoá trong từng tháng, quý để thực hiện, từng bước hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm và góp phần quan trọng vào phát triển của ngành nông nghiệp tỉnh nhà, tuy nhiên do các nguyên nhân khác như không có kinh phí, việc giải phóng mặt bằng gặp khó khăn hoặc phải chờ các văn bản hướng dẫn và các quy định liên quan của Trung ương... nên có một số đầu mục công việc không thể triển khai được trong năm 2016 mà phải chuyển sang năm 2017 hoặc chờ Trung ương ban hành các văn bản liên quan mới có thể triển khai thực hiện được, đồng thời vẫn còn một số đơn vị chưa chủ động khắc phục khó khăn, chủ động sáng tạo trong một số nhiệm vụ, chưa thực hiện đúng theo quy định của Sở về chế độ báo cáo định kỳ còn phải đôn đốc, nhắc nhở.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA NGÀNH TRÊN CÁC LĨNH VỰC

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, giữ vững vai trò quan trọng trong ổn định và phát triển kinh tế và đời sống nông thôn, góp phần chủ yếu trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Do hậu quả của hạn hán, giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) của ngành Nông nghiệp giảm khoảng 1.858 tỷ đồng, dẫn tới VA (giá trị tăng thêm) giảm 985 tỷ đồng. Với nỗ lực thực hiện của ngành và các địa phương trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng để phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu, tăng cường thâm canh, xen canh gối vụ,... sản lượng một số cây trồng, vật nuôi tăng cao đã góp phần đưa giá trị gia tăng của ngành nông, lâm, thủy sản tăng, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Giá trị sản xuất toàn ngành (theo giá so sánh 2010) ước đạt 36.210 tỷ đồng, tăng 5,1% so với năm 2015, tăng 6,4% so với KH (KH là 34.042 tỷ đồng), trong đó nông nghiệp ước đạt 35.316 tỷ đồng, lâm nghiệp ước đạt 403 tỷ đồng, thủy sản ước đạt 491 tỷ đồng; góp phần đưa tốc độ tăng trưởng của ngành đạt 4,5%, vượt kế hoạch đề ra (3,5 - 4%).

1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Tổng diện tích gieo trồng năm 2016 ước đạt 619.239 ha/603.042 ha KH, đạt 103%, trong đó cây hàng năm ước đạt 317.788 ha/309.230 ha KH, đạt 103%, giảm 953 ha so với năm 2015. Tổng sản lượng lương thực cả năm 2016 ước đạt khoảng 1.152.923 tấn/1.148.870 tấn KH, đạt 100%, trong đó lúa 545.726 tấn, ngô 607.197 tấn, giảm 46.195 tấn so với cả năm 2015; cây lâu năm ước đạt 301.451 ha/293.812 ha KH, đạt 103%, tăng 3.391 ha so với năm 2015 ⁽¹⁾.

¹ Cây cà phê: Diện tích cà phê ước thực hiện 201.152/200.000 ha KH, đạt 100%, giảm 2.205 ha so với năm 2015. Diện tích cà phê giảm mạnh nguyên nhân do hạn hán trong mùa khô năm 2016 và diện tích cà phê già cỗi

Công tác chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng đã được đẩy mạnh, các loại giống lai, giống tốt được đưa vào sản xuất đại trà. Ngoài ra, do giá cả một số loại nông sản bắp bênh (ngô, đậu,...) nên người dân đã chuyển đổi sang một số cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn, chủ yếu như cây khoai lang, cây thức ăn gia súc, gừng, nghệ,... Công tác bảo vệ thực vật được chú trọng đã góp phần hạn chế các loại dịch bệnh, sâu bệnh hại trên cây trồng. Công tác khuyến nông được tăng cường đã từng bước làm thay đổi tập quán canh tác của người nông dân. Việc áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp ngày càng được mở rộng, nhất là ở các khâu làm đất, gieo trồng và thu hoạch làm tăng năng suất lao động.

2. Chăn nuôi, thú y

a) Chăn nuôi: Năm 2016, ngành chăn nuôi có chiều hướng phát triển thuận lợi và tương đối ổn định. Đã áp dụng những tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi; bước đầu hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, chăn nuôi có kiểm soát; chuyển dần từ chăn nuôi nông hộ, gia trại sang chăn nuôi công nghiệp trang trại quy mô lớn - công nghệ cao; khuyến khích các đơn vị, doanh nghiệp nhập khẩu giống tốt, chất lượng cao phục vụ sản xuất.

Ước tổng đàn gia súc trên địa bàn tỉnh là 1.145.359 con, đạt 96,3%KH, tăng 161.938 con so với năm 2015 (đàn trâu: 40.758 con; đàn bò: 233.979 con, bò lai hiện có 58.570 con, chiếm 25% tổng đàn; đàn heo: 870.622 con); đàn gia cầm 9.953.470 con, đạt 110%KH, tăng 231.520 con so với năm 2015; sản lượng thịt các loại 168.606 tấn, đạt 124%KH, tăng 19.379 tấn so với năm 2015; trứng các loại 168.909.620 quả.

b) Thú y: Năm 2016 ngành chăn nuôi của tỉnh đã chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa nên bệnh gia súc chỉ xảy ra dịch ở mức độ nhỏ, lẻ trên quy mô hộ chăn nuôi gia đình như: Lở mồm long móng và một số bệnh thông thường khác. Tuy nhiên ngành nông nghiệp đã triển khai kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nên đã giảm thiểu thiệt hại xảy ra⁽²⁾.

Nhìn chung ngành thú y đã làm tốt công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm tại các địa phương; thực hiện tốt

được thanh lý nhỏ bò, tái canh. Diện tích tái canh cây cà phê 3.640,38 ha/5.714,9 ha KH, đạt 63,7%. Tốc độ tái canh còn chậm, nguyên nhân là do khó tiếp cận nguồn vốn vay, thủ tục vay phức tạp...

+ Cây cao su: Diện tích cao su ước thực hiện 38.493 ha/43.820 ha KH, đạt 87,7%KH, giảm 1.988 ha so với năm 2015; sản lượng ước đạt 32.512 tấn/29.990 tấn KH, đạt 108%KH, tăng 3.058 tấn so với năm 2015. Diện tích cao su giảm mạnh nguyên nhân do một số cây già cỗi được thanh lý nhỏ bỏ, chưa tái canh và do giá cao su xuống thấp trong những năm gần đây đã làm cho một số hộ trồng cao su tiểu điền chặt bỏ, chuyển đổi sang cây trồng khác.

+ Cây điều: Diện tích điều ước thực hiện 20.763 ha/19.830 ha KH, đạt 104%KH, tăng 771 ha so với năm 2015; sản lượng ước đạt 23.500 tấn/23.400 tấn, đạt 100%KH, tăng 713 tấn so với năm 2015.

+ Hồ tiêu: Diện tích hồ tiêu ước thực hiện 27.385 ha/18.474 ha KH, đạt 148%KH, tăng 5.974 ha so với năm 2015; sản lượng 41.300 tấn/31.000 tấn KH, đạt 133%KH, tăng 6.151 tấn so với năm 2015.

+ Ca cao: Diện tích ước thực hiện 1.975 ha/2.188 ha KH, đạt 90%KH, tăng 74 ha so với năm 2015; sản lượng ước đạt 2.038 tấn, tăng 189 tấn so với năm 2015;

+ Cây ăn quả các loại: Diện tích ước thực hiện 10.792 ha/9.500 ha KH, đạt 114%, tăng 902 ha so với năm 2015. Trong đó, loại cây ăn quả chủ lực, mang lại hiệu quả kinh tế cao như sầu riêng: diện tích 2.866 ha, sản lượng ước đạt 43.900 tấn; bơ: diện tích 2.384 ha, sản lượng ước đạt 33.975 tấn.

+ Cây trồng khác: Diện tích ước thực hiện 891 ha, tăng 11 ha so với năm 2015.

² Đã xảy ra dịch lở mồm long móng trên trâu, bò tại các huyện Krông Bông, Lắk, Cư M'gar, Cư Kuin, Krông Ana, Ea Súp, Buôn Đôn. Tổng số mắc bệnh là 1.559 con, trong đó trâu bò: 1.496 con, lợn: 63 con; tổng số tiêu hủy là 35 con.

công tác tiêm phòng; vệ sinh, tiêu độc, khử trùng định kỳ tại các cơ sở hộ chăn nuôi và các khu vực buôn bán gia súc, gia cầm; tăng cường công tác kiểm dịch tại các chốt đầu mối ra vào tỉnh. Việc vận chuyển gia súc, gia cầm, SPGC đã được kiểm soát chặt chẽ, góp phần ngăn chặn dịch bệnh gia súc, gia cầm lây lan theo đường vận chuyển. Công tác kiểm soát giết mổ của các huyện, thị xã, thành phố đã được duy trì tốt, kiểm soát được phần lớn lượng thịt gia súc tiêu thụ trên thị trường, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và ngăn chặn dịch bệnh lây lan thông qua con đường giết mổ gia súc.

3. Thủy sản

Trong năm 2016, lĩnh vực thủy sản trên toàn tỉnh gặp nhiều khó khăn do tình hình khô hạn kéo dài, dẫn đến nhiều vùng thiếu nước phục vụ cho sản xuất giống, nuôi trồng và khai thác thủy sản. Để đảm bảo cho công tác sản xuất, nuôi trồng, khai thác thủy sản, Sở đã tích cực chỉ đạo các địa phương, các doanh nghiệp, Chi hội nghề cá, người dân chủ động trong sản xuất thủy sản. Tổ chức các hoạt động phổ biến các văn bản QPPL trong lĩnh vực thủy sản cho người dân, xây dựng các mô hình,... Tổ chức kiểm tra, đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư trong lĩnh vực thủy sản. Trong năm 2016 lĩnh vực thủy sản dự kiến đã đạt được một số kết quả như sau:

a) Nuôi trồng thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản trên toàn tỉnh ước đạt 10.695 ha, đạt 93% KH năm 2016; Sản lượng nuôi trồng đạt 19.658 tấn đạt 90%KH.

b) Nuôi cá nước lạnh (cá tầm): Tổng số lượng cá tầm nuôi trên địa bàn tỉnh ước khoảng hơn 80.000 con cá tầm các loại được nuôi trong 98 lồng, với diện tích mặt nước sử dụng là 8.976 m² tại Công ty cá Tầm Việt Nam chi nhánh tại Đắk Lắk.

c) Nuôi cá lồng trên hồ chứa: Tổng số lồng nuôi trên địa bàn tỉnh ước khoảng 446 lồng (giảm 82 lồng so với cùng kỳ năm 2015 do mực nước tại các hồ chứa xuống thấp nên một số nơi không thể tiến hành nuôi lồng bè). Trong đó, huyện Buôn Đôn 10 lồng, huyện Krông Pắc 12 lồng nuôi (01 lồng do Đan Mạch tài trợ, 10 lồng vuông 50 m²/lồng và 01 lồng nhựa vuông 200 m²/lồng), huyện Lắk 180 lồng (98 lồng nuôi cá Tầm tại Buôn Tua Srah, 01 lồng do Đan Mạch tài trợ đặt tại hồ Buôn Triết và 81 lồng tại các thủy vực khác trên địa bàn huyện); huyện Krông Ana 244 lồng (Trang trại NTTS Minh Nguyên 184 lồng và Trang trại NTTS Ngọc Long 60 lồng nuôi tại sông Krông Ana). Các loài cá nuôi lồng chủ yếu: Diêu hồng, cá Tầm, cá Lóc, cá Lăng đuôi đỏ, cá Bống tượng, cá Chim trắng và cá rô phi.

d) Khai thác thủy sản: Sản lượng khai thác trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.615 tấn, đạt 95%KH. Ngoài ra, Sở đã chỉ đạo Chi cục Thủy sản phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện tổ chức hoạt động thả cá bổ sung nguồn lợi thủy sản năm 2016, với tổng khối lượng thả 55.500 con cá giống các loại như cá trắm, trôi, mè chép, thát lát, chạch bùn,... đạt 100%KH⁽³⁾.

³ Các huyện: Buôn Đôn (thủy điện Srêpôk 3, hồ Đrang phôk); Krông Ana (sông Krông Ana); Lắk (hồ Lắk và hồ Buôn triết); Cư M'gar (Hồ Ea Nhái); Ea Súp (hồ Ea Súp hạ).

4. Công tác quản lý chất lượng nông lâm, thủy sản, chế biến nông lâm sản và nghiên cứu, ứng dụng khoa học – kỹ thuật

a) Quản lý chất lượng nông lâm sản, thủy sản: Đã tập trung thực hiện nhiệm vụ của ngành trong công tác quản lý chất lượng nông lâm sản, thủy sản và kiểm tra, đánh giá xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông lâm thủy sản, kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả tổ chức triển khai như sau:

- Kiểm tra, đánh giá xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh. Tổng số cơ sở được kiểm tra là 839 cơ sở (loại A là 416; loại B là 379; loại C là 18; không xếp loại 26). Việc kiểm tra, đánh giá xếp loại các cơ sở tại các huyện còn nhiều khó khăn, các cơ sở kinh doanh còn nhỏ lẻ, phân tán, chủ yếu kinh doanh kết hợp nhiều lĩnh vực và thời gian hoạt động của một số cơ sở không ổn định (theo mùa vụ). Vì vậy chưa thống kê đầy đủ các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý nên chưa có những giải pháp hữu hiệu trong công tác kiểm tra, giám sát.

- Thanh tra, kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tổng số cơ sở được kiểm tra là 107 cơ sở; số mẫu phân tích: 56, trong đó 52 mẫu đạt và 04 mẫu không đạt. Qua kiểm tra các cơ sở, các hộ kinh doanh tại các cửa hàng, các chợ truyền thống, chợ đầu mối... đã ý thức hơn trong việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm sản và thủy sản an toàn.

- Kiểm tra việc thực hiện đảm bảo ATTP đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ đã cam kết được 3.000 cơ sở/12.074 cơ sở ký cam kết. Các cơ sở kiểm tra không có vi phạm các yêu cầu trong nội dung đã ký cam kết.

- Thanh, kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp: Kiểm tra chất cấm, kháng sinh, thuốc thú y, kết quả: Có 30 cơ sở vi phạm (thuốc xóa, sửa nhãn mác; thuốc thú y kém chất lượng, giả, hết hạn sử dụng và ngoài danh mục). 08 vụ vi phạm về kiểm dịch động vật. Tổng số vụ vi phạm hành chính là 38 vụ; kiểm tra thuốc bảo vệ thực vật, phân bón tại 803 cơ sở, trong đó có 144 cơ sở vi phạm (xử lý phạt tiền và nhắc nhở); kiểm tra chất lượng giống cây trồng, vật nuôi tại 99 cơ sở, trong đó có 61 cơ sở vi phạm (xử lý phạt tiền và nhắc nhở). Tổng số tiền xử phạt chất lượng vật tư nông nghiệp là 452.153.000 đồng.

- Thanh, kiểm tra chất lượng nông lâm thủy sản tại 203 cơ sở, trong đó có 40 cơ sở vi phạm sử dụng người lao động không mang, mặc trang phục bảo hộ theo quy định, sản xuất thực phẩm không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật,... và kiểm tra đột xuất tại 42 cơ sở, trong đó có 7 cơ sở vi phạm sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm thuộc danh mục được phép sử dụng theo quy định nhưng vượt quá giới hạn cho phép,... Tổng số tiền xử phạt chất lượng nông lâm thủy sản là 119.750.000 đồng.

Tổ chức được 04 lớp tập huấn kiến thức ATTP với 79 người tham gia, tổ chức sát hạch cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP, kinh doanh thuốc thú y, buôn bán thuốc BVTV,... cho 249 cá nhân có đăng ký; tổ chức được 03 lớp tập huấn kiểm tra, đánh giá các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản cho đối tượng là các cán bộ quản lý các huyện, thị xã, thành phố, với tổng số 262 cán bộ tham dự; tổ chức 02 Hội nghị phổ biến các

văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản, thủy sản cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản tại địa bàn Thị xã Buôn Hồ và huyện Krông Pắc, với 75 người tham dự.

b) Chế biến nông lâm sản: Kiểm tra tình hình hoạt động của các cơ sở chế biến lâm sản trên địa bàn Tp. Buôn Ma Thuột, Tx. Buôn Hồ và các huyện: Ea H'leo, Krông Năng, Krông Buk. Tổng số kiểm tra 61 cơ sở (26 cơ sở chế biến gỗ, 35 cơ sở sản xuất đồ mộc). Nhìn chung tình hình hoạt động của các cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn rất khó khăn, nguyên nhân là do thiếu nguyên liệu để sản xuất, các cơ sở hoạt động cầm chừng, xưởng xẻ đa phần nhận xẻ gia công gỗ vườn, một số cơ sở sản xuất đồ mộc tạm ngừng hoạt động vì không có nguyên liệu hoặc nhận gia công đồ mộc; tiêu thụ sản phẩm rất khó khăn vì không tìm được đầu ra; giá thành sản phẩm cao vì giá nguyên liệu mua và thuê nhân công khá cao, sản xuất không phát triển; nhiều cơ sở đầu tư vào các Khu, Cụm công nghiệp để hoạt động SXKD lâu dài nhưng không đủ kinh phí để thuê đất và đầu tư dây chuyền, máy móc thiết bị để hoạt động.

c) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học – kỹ thuật: Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình sản xuất Sầu riêng an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại địa bàn huyện Krông Pắc. Mô hình được thực hiện trên diện tích 08 ha của 09 hộ dân tại xã Ea Yông, huyện Krông Pắc – thuộc Công ty TNHH MTV Cà phê Phước An. Ngoài ra, tổ chức 01 Hội nghị tổng kết và kết nối thương mại mô hình sản xuất Sầu riêng an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, nhằm đánh giá những hiệu quả đạt được; xúc tiến thương mại, kết nối giữa nhà sản xuất, kinh doanh với người tiêu dùng; xây dựng và quảng bá thương hiệu Sầu riêng Đắk Lắk.

5. Lâm nghiệp

a) Công tác phát triển rừng: Diện tích trồng rừng được 2.076 ha, đạt 88%KH theo hồ sơ đăng ký trồng rừng của các đơn vị (trồng rừng đặc dụng: 45 ha từ nguồn vốn ngân sách; trồng rừng sản xuất: 2.031 ha từ nguồn vốn tự có).

b) Công tác quản lý bảo vệ rừng: Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 3740/KH-UBND ngày 02/6/2015 để triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 19/01/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp Ủy đảng đối với công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; Chỉ thị số 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 03/CT-UBND của UBND tỉnh; Sở đã tập trung chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và hướng dẫn các chủ rừng, đơn vị triển khai công tác PCCCR, tổ chức triển khai công tác phòng chống chặt phá rừng tại các địa phương, đơn vị. Chính vì vậy số vụ vi phạm có xu hướng giảm, mức độ và tính chất, hành vi vi phạm nhỏ, giảm số vụ nghiêm trọng. Trong năm 2016, đã phối hợp, kiểm tra, xử lý 1.389 vụ. Trong đó Khởi tố hình sự (do cơ quan kiểm lâm lập hồ sơ) 10 vụ, đã xử phạt hành chính 1.362 vụ. Tiền thu sau xử lý 25,5 tỷ đồng, lâm sản tịch thu 2.362,736 m³ gỗ các loại. So sánh với năm 2015 thì số vụ vi phạm giảm 170 vụ, tương ứng giảm 11%.

Tình hình phá rừng trái phép diễn ra tương đối phức tạp, theo thống kê báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, diện tích rừng bị phá trái phép là 32 vụ, diện tích phá 104,2 ha, trong đó các địa phương có diện tích rừng bị phá nhiều nhất là Ea Súp: 60,69 ha, Krông Bông: 25,86 ha; huyện Lắk 14,7 ha và một số địa phương khác đang tiếp tục rà soát, thống kê báo cáo số liệu cụ thể.

- Sở đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, cách ngành tập trung thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2016 theo Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của UBND tỉnh để đảm bảo phòng cháy và chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ. UBND các huyện đã thực hiện tốt việc chỉ đạo thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. Các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ, Vườn quốc gia, Công ty TNHH MTV LN đã triển khai thực hiện phương án quản lý, bảo vệ phát rừng, PCCCR của đơn vị. Trong suốt mùa khô hanh các Ban, ngành chức năng (kiêm lâm, chủ rừng v.v...) đã tập trung bố trí lực lượng, chuẩn bị phương tiện hiện có và các điều kiện cần thiết khác sẵn sàng cho công tác chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra. Tuy nhiên, do sự biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, khô hạn kéo dài và được đánh giá là khốc liệt nhất trong nhiều năm. Vì vậy các chủ rừng đã chủ động trong công tác phòng cháy rừng, cho nên diện tích rừng bị cháy là đã hạn chế đáng kể, diện tích thiệt hại là 24,5 ha ⁽⁴⁾ rừng trồng, so sánh với năm 2015 giảm 150 ha (giảm 86%).

Kết quả thực hiện Chỉ thị 1685/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị 03/CT-UBND của UBND tỉnh thì rà soát đến thời điểm hiện tại có 33.506 ha rừng bị phá, lấn chiếm, trong đó có 15.415 ha cần giải tỏa.

c) Về hoạt động bảo tồn thiên nhiên: Trên địa bàn tỉnh có 6 Ban quản lý rừng đặc dụng. Trong đó ngoài Vườn quốc gia Yok Đôn do Tổng cục Lâm nghiệp quản lý thì 5 Ban quản lý còn lại do tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT) trực tiếp quản lý với diện tích là 227.926,3 ha. Hệ thống các khu bảo tồn trên địa bàn tỉnh được hoàn thiện. Các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen động, thực vật thông thường, quý hiếm luôn được coi trọng.

Trung tâm Bảo tồn voi: **Về voi thuần dưỡng**, hiện nay toàn tỉnh còn 44 voi (25 voi cái, 19 voi đực), trong đó tại Buôn Đôn 25 con; Lắk 19 con). Độ tuổi còn khả năng sinh sản (20 - 40 tuổi): 25 con (16 voi cái; 9 voi đực). Độ tuổi không còn khả năng sinh sản (trên 40 tuổi): 19 con (10 voi đực; 9 voi cái). Nhìn chung toàn bộ số voi nhà đã được chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng tốt hơn, những voi bị bệnh đã được chữa trị kịp thời và hồi phục sức khỏe, thông qua các đợt khám định kỳ và điều trị đột xuất đã hạn chế được phần nào voi chết vì bệnh tật, bên cạnh đó Trung tâm đang từng bước nghiên cứu, áp dụng để đàn voi nhà có thể sinh sản theo con đường tự nhiên. Ý thức trách nhiệm bảo tồn nuôi dưỡng voi của nhân dân trong tỉnh đã được nâng lên; **Về voi hoang dã**, Trung tâm

⁽⁴⁾ + 01 vụ xảy ra tại Tiểu khu 311, xã Cư Klông do Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành quản lý, diện tích thiệt hại 15,1 ha rừng thông và keo lai giàm hom trồng năm 2005-2008, mức độ thiệt hại 70-90%.

+ 01 vụ xảy ra tại tiểu khu 910, thuộc phường Ea Tam, cháy 1,85 ha rừng phòng hộ đã giao khoán cho 04 hộ gia đình quản lý. Cháy thực bì lướt dưới mặt đất nên mức độ thiệt hại không đáng kể. Nguyên nhân do người dân đốt dọn thực bì rồi làm cháy lan.

+ 01 vụ xảy ra tại Tiểu khu 911, xã Hòa Thắng, TP Buôn Ma Thuột do UBND xã Hòa Thắng quản lý, diện tích cháy 0,1 ha rừng phòng hộ giao khoán cho hộ gia đình, do được phát hiện và dập tắt sớm nên chỉ cháy thực bì cỏ tranh lướt dưới mặt đất, mức độ thiệt hại không đáng kể.

+ 01 vụ cháy rừng tự nhiên thuộc khu vực đầm lầy phía dưới chân đập hồ Ea Răl. Qua khảo sát sơ bộ tại hiện trường, có khoảng 1 ha trảng cỏ và 0,35 ha là rừng tự nhiên bị cháy dưới tán và ngọn lửa chưa ảnh hưởng đến cây rừng.

+ 01 vụ cháy xảy ra tại khoảnh 1, Tiểu khu 1179 xã Hòa Lễ, huyện Krông Bông do Vườn quốc gia Chư Yang Sin quản lý.

+ 01 vụ cháy nhỏ xảy ra tại Tráp K'Sơ xã Ea Hồ, huyện Krông Năng do Khu bảo tồn Loài – Sinh cảnh Thông Nước quản lý, do được phát hiện và dập tắt kịp thời nên không ảnh hưởng tới cây Thông Nước.

+ 03 vụ cháy rừng trồng thuộc lâm phần quản lý của Ban Quản lý RPH Núi Vọng Phu, chỉ cháy dưới tán và ngọn lửa chưa ảnh hưởng đến cây rừng.

+ 01 vụ cháy xảy ra tại Tiểu khu 954 xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc do Công ty TNHH MTV LN Phước An quản lý. Diện tích thiệt hại 4,6 ha Keo Lai là rừng sản xuất.

thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền, các chủ rừng, doanh nghiệp và nhân dân sinh sống sản xuất gần rừng nắm chắc các thông tin di chuyển của voi hoang dã trên địa bàn các huyện Buôn Đôn, Ea Súp và Ea H'leo. Mỗi khi voi xuất hiện, Trung tâm đều cử ngay cán bộ đến hiện trường để nắm bắt kịp thời thông tin của đàn voi phục vụ cho công tác bảo tồn, đồng thời hướng dẫn chính quyền, nhân dân các biện pháp phòng tránh xua đuổi voi hoang dã phá hoại hoa màu tài sản theo hướng thân thiện với môi trường.

d) Quỹ bảo vệ và phát triển rừng: Việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh đã thực sự đem lại những hiệu quả cả về môi trường, kinh tế và hiệu ứng xã hội đặc biệt là công tác quản lý bảo vệ rừng được nâng cao rõ rệt, qua đó, góp phần nâng cao nhận thức và tăng thu nhập cho các chủ rừng cũng như người dân nhận khoán bảo vệ rừng; kế hoạch thu năm 2016 là 43,12 tỷ đồng. Tổng thu từ bên sử dụng DVMTR: 49,67 tỷ đồng, đạt 112%KH và đã chi cho chủ rừng: 38,30 tỷ đồng.

6. Công tác sắp xếp, đổi mới các Công ty Nông, lâm nghiệp

Triển khai Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; Thông tư số 207/2014/TT-BTC ngày 26/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về xác định tiền thuê đất đối với công ty nông, lâm nghiệp sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ, Công văn số 1832/TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai Công văn số 1832/ TTg-ĐMDN ngày 15/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó có Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk quản lý giai đoạn 2016 – 2020.

Tiến độ triển khai công tác sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp: Theo Quyết định số 612 của UBND tỉnh. Hiện nay, Công ty TNHH MTV cà phê Cư Pul và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An đã hoàn tất việc chuyển đổi thành Công ty TNHH 2 thành viên, 23 công ty còn lại đang tập trung triển khai thực hiện theo kế hoạch.

7. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai và TKCN, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn

a) Thủy lợi: Sản xuất nông nghiệp dựa trên khả năng nguồn nước nên ngay từ đầu vụ đã tổ chức kiểm tra các công trình thủy lợi để đánh giá nguồn nước và kiểm đếm nguồn nước thường xuyên, trước và trong vụ sản xuất, cơ cấu cây trồng được bố trí phù hợp với điều kiện nguồn nước; trong đó, các khu vực nguồn nước chắc chắn không đủ phải dừng sản xuất, khu vực nguồn nước thiếu hụt phải chuyển

đổi sang loại cây trồng cần ít nước tưới hơn. Đồng thời triển khai các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn, điều tiết các hồ chứa nước và thực hiện các biện pháp công trình để bổ sung nước cho hạ du phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Tăng cường công tác quản lý, bảo đảm an toàn hồ chứa nước, công trình thủy lợi trong mùa mưa lũ 2016. Các giải pháp này đã được các địa phương thực hiện tương đối tốt, giúp giảm thiệt hại cho người dân.

Theo thống kê đến nay trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 771 công trình thủy lợi (gồm 600 hồ chứa, 117 đập dâng, 54 trạm bơm); tổng chiều dài kênh mương 2.031,7 km, đã kiên cố hóa được 1.108,95 km kênh mương các loại. Tổng diện tích cây trồng được tưới hơn 245.440 ha, đạt 76,7% diện tích cây trồng chính có nhu cầu nước tưới (tưới trực tiếp từ công trình thủy lợi 137.916 ha; tạo nguồn hỗ trợ và các hình thức công trình khác khai thác nước tưới từ các nguồn nước mặt sông suối, ao và nước ngầm tưới cho 107.524 ha cây trồng).

b) Phòng chống thiên tai và TKCN: Ngay từ đầu vụ, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo giao cho Chi cục Thủy lợi và PCLB, Văn phòng BCHPCLB và TKCN phối hợp với các Phòng, Ban, đơn vị chức năng của Sở cùng với các phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của huyện triển khai công tác phòng chống hạn. Tiến hành kiểm tra các công trình thủy lợi để đánh giá nguồn nước tưới, đồng thời rà soát diện tích đã bị hạn ở vụ trước trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch, đề ra một số biện pháp để chủ động tích nước, điều tiết nước hợp lý và tưới tiết kiệm nước cho vụ Đông xuân 2015-2016; thành lập đoàn kiểm tra; xây dựng phương án chống hạn cụ thể cho từng vùng; tập trung chống hạn đối với diện tích gieo trồng trong kế hoạch.

Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ Thường trực của Ban chỉ đạo tỉnh về phòng, chống thiên tai, điều phối liên ngành giúp Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tổ chức, chỉ đạo, điều hành công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên phạm vi cả tỉnh; phối hợp với các Sở, ngành và địa phương ứng phó kịp thời với các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, mưa lũ, lốc tố,... nhằm hạn chế thiệt hại về người và tài sản. Tuy vậy, trong năm 2016 đã xảy ra các vụ thiên tai, mức độ thiệt hại trên **4.364 tỷ đồng** và thiệt hại về người, nhà cửa và tài sản trong nhà, hàng ngàn ha cây trồng, công trình cơ sở hạ tầng làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của nông dân. Cụ thể:

- Hạn hán: Đã xảy ra 02 vụ, làm cho 109.461 ha⁽⁵⁾ cây trồng bị hạn, diện tích mất trắng là 16.446 ha⁽⁶⁾. Có 469 con gia súc và 1.809 con gia cầm bị chết do ảnh hưởng nắng hạn; 35.517 hộ dân bị thiếu nước sinh hoạt; 193 hồ chứa bị khô cạn nước. Tổng kinh phí thiệt hại ước tính **3.299,7 tỷ đồng**.

- Lốc tố: Đã xảy ra 28 vụ, làm ảnh hưởng 549 nhà dân, 64 phòng học, một số diện tích cây trồng và vật nuôi khác, ước tính giá trị thiệt hại hơn **14 tỷ đồng**.

- Mưa lũ: Đã xảy ra 03 đợt, làm chết 02 người, đồng thời gây thiệt hại 22.652 ha cây trồng, làm chết 91 con gia súc, trên 32.000 con gia cầm; hư hỏng 29 cầu, hơn 121,2 km đường bị ngập sạt lở, 55,8 km kênh mương các loại, 75

⁵ Gồm: 13.740 ha lúa, 14.620 ha ngô và rau màu các loại, 71.890 ha cà phê, 5.703 ha hồ tiêu, và một số diện tích cây trồng khác.

⁶ Trong đó: 4.950 ha lúa, 5.618 ha ngô và rau màu các loại, cà phê 5.570 ha, 558 ha hồ tiêu và cây trồng khác.

cống tiêu nước, nhiều công trình trụ sở các cơ quan và nhà dân bị ngập, hư hại. Tổng thiệt hại ước tính hơn **1.050 tỷ đồng**.

Để chống hạn kịp thời, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương chủ động tăng cường công tác chống hạn với phương châm “bốn tại chỗ”; yêu cầu các ngành trong tỉnh phối hợp với các địa phương kiểm tra, hướng dẫn công tác chống hạn trên địa bàn tỉnh. Các địa phương đã chủ động rà soát, triển khai phương án phòng, chống hạn bảo vệ sản xuất, đồng thời có giải pháp đảm bảo cung cấp đủ nước phục vụ cho sinh hoạt và đời sống nhân dân.

c) Nước sinh hoạt và MTNT: Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vay vốn Ngân hàng thế giới; rà soát, các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh, tham mưu, đề xuất chuyển đổi mô hình quản lý đối với một số công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh và Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính; tổ chức tập huấn, tuyên truyền nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và nâng cao nhận thức của người dân về nước sạch và VSMTNT trên địa bàn toàn tỉnh, huy động người dân sử dụng nước tại các công trình cấp nước tập trung. Ước đến hết năm 2016 có 87% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt kế hoạch đề ra (KH: 87%).

8. Công tác phát triển nông thôn

a) Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: Tổ chức đào tạo nghề vừa theo nhu cầu người học và theo quy hoạch kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, đảm bảo người học xong có việc làm, phát triển sản xuất, có thu nhập ổn định và tăng thêm cho người dân, góp phần xây dựng nông thôn mới. Năm 2016 đã tổ chức được 22/22 lớp, với 767 học viên tham gia học nghề.

b) Công tác Kinh tế hợp tác và trang trại: Sau khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực, số lượng hợp tác xã tiếp tục tăng, trung bình tăng 321 HTX/năm. Đã xuất hiện ngày càng nhiều hợp tác xã hoạt động theo luật, dần thích nghi với cơ chế thị trường. Đến nay có là 174 HTX nông nghiệp gồm: 109 HTX đang hoạt động và 65 HTX ngừng hoạt động, trong đó: Đang hoạt động theo Luật HTX năm 2012 là 108/109 HTX (gồm thành lập mới 36 HTX và 72 HTX đã tổ chức đăng ký lại hoạt động theo Luật HTX năm 2012); chưa chuyển đổi theo luật HTX năm 2012 là 01/109 HTX; giải thể 11 HTX.

Trong năm 2016 đã lựa chọn xây dựng và bàn giao 01 mô hình HTX điển hình Thanh Bình, xã Dur Kmăl huyện Krông Ana; xây dựng mô hình HTX kiểu mới liên kết với doanh nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm; tổ chức 01 lớp tập huấn cho 40 học viên là cán bộ quản lý của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Về kinh tế trang trại: Tổng số trang trại (TT) đến thời điểm báo cáo là 732 trang trại, gồm: 350 TT trồng trọt, 301 TT chăn nuôi, 15 TT thủy sản, 03 TT Lâm nghiệp và 63 TT tổng hợp. Số trang trại đã được cấp giấy chứng nhận theo

Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT, ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT là 83 trang trại chiếm tỷ lệ 11,3% tổng số trang trại.

c) Công tác bố trí dân cư: Trong năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh triển khai Chương trình dân cư, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan, UBND các huyện có dân DCTD, trên cơ sở dự án được duyệt, các địa phương xây dựng kế hoạch bố trí sắp xếp dân cư và vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và tổ chức thực hiện; các chế độ chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với người dân và các hộ gia đình được bảo đảm thực hiện kịp thời, đầy đủ và đúng đối tượng. Góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, ổn định đời sống, sinh hoạt, giữ vững an ninh chính trị, quốc phòng trên địa bàn tỉnh nói chung, ở các vùng dự án quy hoạch bố trí, sắp xếp ổn định dân cư nói riêng, đã đạt được một số kết quả như sau:

- Dân di cư tự do đến: Có 01 hộ - 05 khẩu là dân tộc Mông, có hộ khẩu cư trú huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, vào thôn Ea Boa, xã Ea Trang, huyện M'Đrăk, các ngành chức năng đã vận động để đưa hộ dân về lại nơi ở cũ.

- Dân di cư tự do đi (di cư nội tỉnh): Có 01 hộ - 06 khẩu dân DCTD tỉnh Cao Bằng đến vùng Dự án ổn định dân di cư tự do xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar. Hộ này đã có hộ khẩu tại xã Cư Pui, huyện Krông Bông, các ngành chức năng đã vận động để đưa hộ dân về lại nơi ở cũ.

- Sắp xếp dân cư: Đã sắp xếp được 200 hộ tại dự án Điều chỉnh mở rộng dự án phát triển KT-XH sắp xếp tiếp nhận 400-500 hộ dân KTM xã Cư Kbang, huyện Ea Súp (thực hiện vốn SNKT chuyển nguồn năm 2015 chuyển sang).

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: UBND tỉnh giao 35.466 triệu đồng (UBND các huyện làm chủ đầu tư), thực hiện 08 Dự án DCTD ổn định của các huyện Ea Súp, Krông Bông, M'Đrăk, Lắk, Cư M'gar để thực hiện bố trí ổn định tại chỗ 1.521 hộ - 7.605 khẩu; đã xây dựng: Giao thông 75 km (mở mới 30 km, quyết toán 25 km, nâng cấp 20 km), thủy lợi nhỏ 01 công trình, 3 km đường dây trung hạ thế, 1 trạm biến áp, 1 công trình nước sinh hoạt, 05 phòng học mẫu giáo.

- Chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất 135: Tổng vốn giao là 16.785 triệu đồng cho 13 huyện và 01 thị xã, hiện các địa phương đang triển khai thực hiện như hỗ trợ ngoài cây trồng ngắn ngày (vụ 2) và cây dài ngày..., chủ yếu là hỗ trợ giống bò sinh sản.

9. Chương trình xây dựng nông thôn mới

Các cấp, các ngành và đoàn thể đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình Xây dựng nông thôn mới. Đến nay, toàn tỉnh đạt 1.806 tiêu chí/2.888 tiêu chí, bằng 62,5%, tăng 220 tiêu chí so với cuối năm 2015; bình quân toàn tỉnh đạt 11,18 tiêu chí/xã (bình quân cả nước đạt 13,45 tiêu chí/xã), tăng 0,74 tiêu chí so với cuối năm 2015. Số xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới trong năm là 15 xã, lũy kế đến hết năm 2016 là 20 xã, đạt 13,2% (KH: 15%, tương ứng 23 xã).

Việc phân bổ vốn TPCP và vốn ngân sách Trung ương thực hiện theo quy định, tập trung vốn cho xã nghèo (gấp 4-5 lần so với xã khác); vốn ngân sách địa phương ưu tiên bố trí cho các xã có khả năng đạt chuẩn trong năm 2016. Nguyên tắc bố trí vốn đảm bảo sự hài hòa, vừa tăng cường nguồn lực để giúp các xã gần đạt tiêu chí sớm về đích, các xã nghèo rút ngắn khoảng cách chênh lệch về cơ sở hạ tầng với các xã khác. Trong năm, tổng nguồn vốn từ

ngân sách nhà nước các cấp đầu tư cho Chương trình là: 183,975 tỷ đồng. Trong 11 tháng, toàn tỉnh đã huy động đóng góp được 95.000 m² đất các loại, trên 27.000 ngày công lao động và trên 110 tỷ đồng (nhân dân trên 80 tỷ đồng; doanh nghiệp đóng góp trên 30 tỷ đồng). Nguồn vốn huy động từ các nguồn lực trên là 10.025 tỷ đồng.

10. Công tác thanh tra

Trong năm 2016, Sở đã xây dựng Chương trình kế hoạch thanh kiểm tra và triển khai thực hiện trong công tác kiểm tra tiếp công dân, thực hiện Luật khiếu nại tố cáo, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể:

- Thanh tra hành chính: Đã thực hiện 02 cuộc (02 đơn vị). Kết luận thanh tra chủ yếu sai phạm về chi không đúng quy định, thanh toán khối lượng thi công xây dựng cơ bản vượt so với thực tế. Xử lý thu hồi nộp ngân sách nhà nước: 3.900.000 đồng.

- Thanh tra chuyên ngành: Đã thực hiện 03 cuộc, tổng số thanh tra được 109 tổ chức, cá nhân. Trong đó vi phạm: 27, chủ yếu vi phạm về các quy định của pháp luật trong việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thức ăn chăn nuôi. Xử phạt vi phạm hành chính: 142.874.500 đồng.

- Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo, KNPA: Đã thực hiện 02 cuộc (02 đơn vị), tại 02 đơn vị. Kết quả thanh kiểm tra cơ bản thực hiện các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

- Kiểm tra tiếp công dân, thực hiện Luật khiếu nại tố cáo: Thực hiện tốt lịch tiếp công dân, tình trạng khiếu nại, tố cáo không có diễn biến phức tạp. Đã tiếp dân được 04 lượt; tiếp nhận, xử lý đơn thư được 38 đơn (khiếu nại 19 đơn, tố cáo 14 đơn, kiến nghị phản ánh 05 đơn), số đơn thuộc thẩm quyền của Sở đủ điều kiện thụ lý giải quyết 03 đơn, số đơn không thuộc thẩm quyền, không đủ điều kiện thụ lý 35 đơn.

11. Công tác xây dựng văn bản QPPL của UBND tỉnh

Năm 2016 UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng 16 văn bản quy phạm pháp luật trong kế hoạch (04 Nghị quyết của HĐND tỉnh, 09 Quyết định và 01 Chỉ thị của UBND tỉnh). Kết quả Sở đã triển khai xây dựng, cụ thể:

- Nghị quyết của HĐND tỉnh (04 văn bản): 01 văn bản đã được HĐND tỉnh thông qua; 01 văn bản đã xây dựng xong, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2016, nhưng Ban Kinh tế và ngân sách HĐND tỉnh chưa thống nhất nội dung nên chưa thông qua tại kỳ họp cuối năm 2016; 02 văn bản đang xây dựng và chuyển sang năm 2017 để tiếp tục tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

- Quyết định của UBND tỉnh (09 văn bản): 01 văn bản đã được ban hành; 05 văn bản đã được xây dựng xong (02 văn bản đã trình UBND tỉnh; 02 văn bản đề nghị Sở Tư pháp thẩm định; 02 văn bản đang xây dựng nhưng chờ Thông tư hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; 02 văn bản không ban hành, vì đã có Thông tư hướng dẫn chi tiết của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Chỉ thị của UBND tỉnh (01 văn bản) đã được ban hành.

12. Công tác hợp tác Quốc tế và thực hiện các Chương trình dự án ODA của tỉnh

Sở đã và đang triển khai thực hiện 03 dự án: Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên; Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững Việt Nam (vnSAT); Dự án WB8 đã thành lập Ban quản lý dự án và hoàn thiện các thủ tục để dự án đi vào hoạt động.

Để triển khai thực hiện các dự án ODA, Ban Điều hành các dự án ODA của Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức theo dõi, chỉ đạo, điều hành hoạt động các dự án theo Văn kiện các dự án, theo thẩm quyền được Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh quy định và pháp luật hiện hành; đôn đốc các dự án thực hiện theo đúng kế hoạch và đảm bảo kết quả hoạt động các dự án theo đúng quy định. Tăng cường kiểm tra trình tự, thủ tục đầu tư và quản lý chất lượng các công trình XDCB kịp thời chỉnh sửa khắc phục các sai sót. Thường xuyên theo dõi cập nhật kết quả thực hiện, tiến độ giải ngân, báo cáo Giám đốc Sở. Nhìn chung kết quả thực hiện của các dự án đạt yêu cầu theo kế hoạch, tiến độ giải ngân đạt cao trên 95%.

13. Công tác tổ chức, hành chính, Văn phòng và thi đua Khen thưởng

a) Công tác tổ chức bộ máy và công chức, viên chức: Sở đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, quản lý nhà nước cho CB, CC, VC trong ngành; xây dựng quy chế luân chuyển và chuyển đổi vị trí công tác đối với CB, CC, VC, lãnh đạo quản lý các đơn vị trong toàn ngành; thẩm định, phê duyệt danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2016 - 2020 và quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ 2016 - 2020 cho các Chi cục, Trung tâm, đơn vị trực thuộc Sở; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, chuyển chuyển, tiếp nhận công chức, viên chức trong các đơn vị thuộc Sở; thỏa thuận Hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế và thủ tục trình xét tuyển từ viên chức sang công chức; cử cán bộ, công chức, viên chức đào tạo, bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị, Thanh tra viên chính, chuyên viên chính, chuyên viên, sau đại học và tiếng ÊĐê.

b) Công tác hành chính, Văn phòng: Ban hành các văn bản quy định hướng dẫn công tác quản lý tài chính, phân cấp cho các đơn vị thuộc Sở về quản lý CB, CC, VC. thường xuyên kiểm tra giám sát, đôn đốc các đơn vị thực hiện Quy chế Văn thư, lưu trữ; Quy chế làm việc nội bộ; Quy chế dân chủ cơ sở, Nội quy tiếp công dân và chế độ báo cáo định kỳ.

Tổ chức tốt các cuộc họp, Hội nghị, Hội thảo tại Sở và đón tiếp các Đoàn khách trong và ngoài tỉnh; điều vận phương tiện phục vụ công tác của Lãnh đạo Sở và các Phòng, Ban, đơn vị kịp thời, phù hợp theo hướng tiết kiệm, hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra và theo dõi cập nhật thông tin để trang thông tin điện tử của Sở vận hành tốt hơn; đảm bảo sự hoạt động thông suốt của hệ thống mạng tin học trong cơ quan; triển khai hiệu quả hệ thống điều hành trực tuyến OMS giúp cho công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Sở đến các Phòng, Ban, đơn vị thuộc Sở được nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm được thời gian, chi phí Văn phòng phẩm nhưng hiệu quả công việc đạt kết quả cao. Thường xuyên công khai các loại Thông báo nơi công sở theo quy định và trên Website của Sở. Công tác trực bảo vệ cơ quan thường xuyên và tăng cường khi cần thiết được kiểm tra không để xảy ra mất an ninh, trật tự tại khuôn viên cơ quan. Công tác dân quân tự

vệ được củng cố, triển khai kịp thời các Chỉ thị mệnh lệnh của Cơ quan quân sự Thành phố và Bộ CHQS tỉnh.

Công tác văn thư, lưu trữ luôn cập nhật đầy đủ, kịp thời chuyển đến Lãnh đạo Sở xử lý và các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện; các loại văn bản được sắp xếp lưu trữ thuận tiện cho việc tra cứu khi cần thiết. Bố trí sắp xếp, phân loại tài liệu hàng tháng tại kho lưu trữ theo đúng quy định

Chỉ đạo các Phòng, Ban, đơn vị trực thuộc Sở thường xuyên rà soát, kiểm tra văn bản hiện hành do HĐND, UBND tỉnh ban hành để kiến nghị xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản khi nội dung văn bản không còn phù hợp với thực tế, với các văn bản cấp trên mới ban hành hoặc khi có thông tin, yêu cầu kiến nghị văn bản đã ban hành có nội dung, có dấu hiệu trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp (theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát TTHC); triển khai rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC tại đơn vị để tham mưu cho UBND tỉnh công bố TTHC mới ban hành, TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, TTHC hủy bỏ hoặc bãi bỏ, TTHC hết hiệu lực trong thời gian tới; triển khai công khai TTHC theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các lĩnh vực của ngành. Ngoài ra các TTHC được công khai trên Website của sở; tiếp tục thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đã được đơn vị Quacert đánh giá cấp duy trì chứng nhận.

c) Công tác thi đua khen thưởng

Thực hiện đầy đủ báo cáo thành tích TĐ-KT định kỳ và cuối năm 2016 về Khối thi đua các Sở Nông nghiệp và PTNT Tây Nguyên; thực hiện tốt công tác Cụm trưởng cụm thi đua các Sở Nông nghiệp và PTNT khu vực Tây Nguyên; Hội đồng sáng kiến và Hội đồng thi đua, khen thưởng Sở đã thực hiện xong việc xét kết quả xếp loại, thi đua, khen thưởng cho các Tập thể, cá nhân ngành NN và PTNT năm 2016 như sau:

* Xếp loại cán bộ, công chức, viên chức:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ : 494 cá nhân;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ : 559 cá nhân;
- Hoàn thành nhiệm vụ : 65 cá nhân.
- Không Hoàn thành nhiệm vụ : 15 cá nhân.

* Công nhận danh hiệu và khen thưởng:

- Tập thể:

- + Đề nghị UBND tỉnh Bằng khen : 08 tập thể;
- + Đề nghị UBND tỉnh công nhận danh hiệu lao động xuất sắc: 19 tập thể;
- + Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tặng Giấy khen cho : 67 tập thể;
- + Sở NN và PTNT công nhận danh hiệu LĐTT cho : 116 tập thể

- Cá nhân:

- + Đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen : 46 cá nhân;
- + Đề nghị UBND tỉnh công nhận danh hiệu CSTĐ cấp tỉnh: 05 cá nhân;
- + Sở Nông nghiệp và PTNT tặng Giấy khen : 399 cá nhân;
- + Đề nghị công nhận CSTĐ cơ sở : 145 cá nhân;
- + Đề nghị công nhận Lao động tiên tiến : 1013 cá nhân.

d) Công tác thôn buôn kết nghĩa: Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban dân vận Tỉnh ủy, chỉ đạo của UBND tỉnh, tiếp tục tăng cường công tác bảo đảm an ninh, chính trị trên địa bàn tỉnh trong dịp kỷ niệm các ngày Lễ lớn của đất nước và các hội nghị quan trọng diễn ra tại tỉnh ta. Các đơn vị thuộc Sở đã phối hợp tốt với chính quyền và các Đoàn thể quần chúng ở các thôn, buôn kết nghĩa để tuyên truyền, giáo dục đồng bào không nghe theo bọn phản động xúi giục, góp phần ổn định an ninh chính trị ở các địa bàn thôn, buôn kết nghĩa.

III. ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT CHUNG

Trong năm 2016 đã tập trung bám sát để thực hiện có hiệu quả Chương trình công tác của ngành và các nhiệm vụ được Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh giao, lãnh đạo Sở đã phân công nhiệm vụ cụ thể, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc triển khai và kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện. Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban ngành, địa phương triển khai toàn diện các các nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều kết quả. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp được triển khai tích cực, trên tất cả các lĩnh vực; triển khai các giải pháp tích cực để hạn chế ảnh hưởng của thiên tai và tập trung hướng dẫn sản xuất, xen canh, thâm canh cây trồng phù hợp để nâng cao giá trị trên cùng một diện tích sản xuất, góp phần tăng trưởng của ngành là 4,5%, cao hơn gấp đôi tăng trưởng nông nghiệp bình quân cả nước (1,8%). Có thể nói trong bối cảnh còn nhiều khó khăn thì đây là một nỗ lực lớn của ngành nông nghiệp, góp phần quan trọng vào tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh; kiểm soát tốt dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; hệ thống thủy lợi tiếp tục được đầu tư, phát triển theo hướng đa mục tiêu; kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp tiếp tục được nâng cấp và hiện đại hóa; theo dõi sát sao và đối phó có hiệu quả với các diễn biến bất thường của thời tiết, đặc biệt là hạn hán, mưa lũ và lốc tố ở các địa phương; công tác kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm các loại mặt hàng nông lâm thủy sản tiếp tục được chỉ đạo triển khai mạnh mẽ, đã tạo được chuyển biến tích cực, bước đầu kiểm soát được tình hình buôn bán và sử dụng chất cấm trong sản xuất; thực hiện tốt công tác phòng chống cháy rừng cho nên diện tích rừng bị cháy là đã hạn chế đáng kể so với năm 2016 (giảm 86%) và tập trung thực hiện các giải pháp đồng bộ, tập trung mở các đợt tấn công, truy quét quyết liệt tại các khu vực điểm nóng xâm hại tài nguyên rừng nên số vụ vi phạm trong năm 2016 giảm so với năm 2015, giảm 11%; thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực bố trí dân cư, Chương trình mục tiêu quốc gia của ngành cụ thể trên các mặt; đã tập trung xây dựng các văn bản QPPL, Quy hoạch, Đề án, kế hoạch triển khai Nghị quyết của HĐND tỉnh để tham mưu UBND tỉnh ban hành trong năm 2016.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ từ Tỉnh xuống cơ sở, huy động, lồng ghép, đa dạng hoá và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Chú trọng hơn việc đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã, đặc biệt là đối với những xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho cư dân nông thôn.

Bên cạnh những kết quả đạt được trên, toàn ngành vẫn đang tồn tại, hạn chế, đó là:

- Triển khai thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành chưa được đồng bộ ở các địa phương, vẫn còn nhiều địa phương triển khai chậm, chưa quyết liệt.

- Sản xuất ngành nông nghiệp cũng gặp nhiều bất lợi về diễn biến thời tiết (hạn hán, lũ lụt, lũ lụt) xảy ra, làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của nông dân.

- Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả chưa đồng đều, đời sống của một bộ phận nông dân còn gặp khó khăn. Mặc dù cả tỉnh đã đạt được 13,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt thấp so với mục tiêu đề ra. Mức thu nhập và đời sống của một bộ phận người dân nông thôn còn thấp, nhất là vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Đổi mới tổ chức sản xuất còn chậm; các hình thức hợp tác và liên kết sản xuất mới chỉ tập trung nhiều ở lĩnh vực trồng trọt, thủy sản, các lĩnh vực khác còn rất ít và hiệu quả chưa ổn định; kinh tế hộ nhỏ lẻ, sản xuất nông nghiệp còn manh mún và không tập trung; Doanh nghiệp hoạt động trong nông nghiệp còn ít, quy mô nhỏ, năng lực tài chính thấp,...

- Cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn còn nhiều bất cập, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu xóa đói, giảm nghèo và phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Nhiều hệ thống công trình hạ tầng thiếu đồng bộ; nhiều hệ thống thủy lợi chưa khép kín, một số nơi có công trình đầu mối nhưng thiếu kênh mương; nhiều công trình thủy lợi đầu tư đã lâu nhưng thiếu vốn đầu tư nâng cấp; hạ tầng thủy sản còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu; năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai còn thấp; các Quy hoạch, Đề án, dự án đã phê duyệt nhưng chưa có vốn đầu tư.

- Công tác trồng rừng tại các đơn vị đang gặp khó khăn về nguồn vốn hỗ trợ đầu tư phát triển rừng của tỉnh. Đồng thời cũng gặp khó khăn do không có nhà máy chế biến, cự li vận chuyển đến nơi tiêu thụ xa dẫn đến giá thành tăng, bên cạnh đó nhiều cây trồng nông nghiệp khác có hiệu quả hơn cùng cạnh tranh mạnh mẽ với cây rừng.

- Đổi mới tổ chức sản xuất: Các hình thức hợp tác và liên kết sản xuất mới chỉ tập trung nhiều ở lĩnh vực trồng trọt, thủy sản, các lĩnh vực khác còn rất ít và hiệu quả chưa ổn định. Kinh tế hộ nhỏ lẻ, ruộng đất sản xuất manh mún đang ngày càng bộc lộ những hạn chế, trong khi đó hợp tác và liên kết chậm phát triển. Doanh nghiệp hoạt động trong nông nghiệp còn ít, quy mô nhỏ, năng lực tài chính thấp.

Nơi nhận: *nu*

- Bộ: KH&ĐT, NN và PTNT;
- Vụ Kế hoạch (Bộ NN và PTNT);
- TT tỉnh uỷ, T.T HĐND, UBND tỉnh;
- Tổng cục: LN, Th.sản, Th. Lợi;
- Cục: T.trọt, BVTV, CB NLS và NM; CN, Thú y, Ktế hợp tác;
- Các Sở: KH và ĐT, Tài chính; Công an;
- Lãnh đạo Sở;
- Các TP Phòng, Ban, CC, TT thuộc Sở;
- Lưu: VT, KH và ĐT (Mịch 40 bản).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoài Dương